

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 33 Cao đẳng xây dựng DD & Ngành : Xây dựng dân dụng và công nghiệp Năm học : 2010 - 2011 ĐVHT : 3
Hệ ĐT : Cao đẳng Học Phần : Quy hoạch tuyến tính Học Kỳ : 1 Lần : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3375010001	Trương Hoàng	Ân	22/06/1991	9	9					9.00	2.70	9.00	6.30	9	
2	3375010004	Đặng Hữu Đức	Anh	29/12/1991	3	5					4.00	1.20	6.00	4.20	5	
3	3375010009	Nguyễn Tân	Biên	07/04/1991	4	5					4.50	1.35	9.00	6.30	8	
4	3375010017	Trần Thanh	Cảnh	12/01/1991	3	7					5.00	1.50	6.00	4.20	6	
5	3375010060	Bùi Tiến	Dương	08/08/1988	4	6					5.00	1.50	8.00	5.60	7	
6	3375010063	Lý Văn	Dương	24/11/1986	1	3					2.00	0.60	6.00	4.20	5	
7	3375010076	Mai Văn	Đạt	10/01/1991	5	6					5.50	1.65	5.00	3.50	5	
8	3375010089	Lê Văn	Đức	28/06/1988	2	3					2.50	0.75	8.00	5.60	6	
9	3375010094	Triệu Tài	Đức	24/12/1991	2	3					2.50	0.75	7.00	4.90	6	
10	3375010117	Nguyễn Thanh	Hiền	20/11/1991	5	6					5.50	1.65	10.00	7.00	9	
11	3375010127	Bùi Quốc	Hùng	12/02/1990	3	5					4.00	1.20	6.00	4.20	5	
12	3375010145	Trần Nguyễn Quang	Khánh	13/01/1992	5	6					5.50	1.65	8.00	5.60	7	
13	3375010150	Hà Bửu	Khiết	07/04/1991	5	8					6.50	1.95	8.00	5.60	8	
14	3375010153	Nguyễn Phước Anh	Khoa	19/08/1991	5	3					4.00	1.20	7.00	4.90	6	
15	3375010154	Nguyễn Quốc	Khoa	20/10/1990	3	5					4.00	1.20	5.00	3.50	5	
16	3375010156	Nguyễn Anh	Khương	04/04/1991	2	6					4.00	1.20	7.00	4.90	6	
17	3375010183	Nguyễn Văn	Lợi	30/05/1989	0						0.00	0.00	0.00	0.00	0	Học lại
18	3375010190	Lê	Miễn	21/08/1991	5	6					5.50	1.65	7.00	4.90	7	
19	3375010200	Dương Đại	Nam	16/11/1990	5						5.00	1.50	7.00	4.90	6	Học lại
20	3375010205	Đinh Thanh	Nghị	17/09/1984	3	6					4.50	1.35	6.00	4.20	6	
21	3375010215	Phạm Đức	Nhân	25/02/1991	0	0					0.00	0.00	0.00	0.00	0	

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
22	3375010217	Hồ Xuân	Nhật	19/06/1991	5	7					6.00	1.80	6.00	4.20	6	
23	3375010222	Võ Kiều	Oanh	11/03/1991	4	5					4.50	1.35	5.00	3.50	5	
24	3375010225	Nguyễn Tấn	Phát	20/01/1991	3	6					4.50	1.35	4.00	2.80	4	
25	3375010240	Nguyễn Ngọc	Phú	18/04/1991	6	8					7.00	2.10	8.00	5.60	8	
26	3375010247	Huỳnh Duy	Phượng	29/08/1991	3	6					4.50	1.35	8.00	5.60	7	
27	3375010271	Nguyễn Khắc	Sinh	06/07/1990	2	4					3.00	0.90	6.00	4.20	5	
28	3375010274	Nguyễn Minh	Sơn	12/02/1991	6						6.00	1.80	2.00	1.40	3	Học lại
29	3375010280	Lê Thành	Tâm	08/06/1991	5	7					6.00	1.80	5.00	3.50	5	
30	3375010283	Hồ Nguyễn Nhật	Tân	15/01/1991	5	7					6.00	1.80	10.00	7.00	9	
31	3375010289	Trần Đình	Tân	26/10/1989	8						8.00	2.40	8.00	5.60	8	Học lại
32	3375010293	Nguyễn Anh	Tài	11/01/1991	4	6					5.00	1.50	7.00	4.90	6	
33	3375010294	Bùi Văn	Tám	02/09/1990	6	9					7.50	2.25	9.00	6.30	9	
34	3375010314	Nguyễn Anh	Thế	06/01/1991	5	6					5.50	1.65	6.00	4.20	6	
35	3375010319	Phạm Đình	Thi	20/07/1991	6	6					6.00	1.80	6.00	4.20	6	
36	3375010320	Đình Văn Hoàng	Thiện	14/01/1991	5	9					7.00	2.10	9.00	6.30	8	
37	3375010321	Huỳnh Bá	Thiện	19/07/1991	6	7					6.50	1.95	9.00	6.30	8	
38	3375010325	Hùng Hữu	Thọ	09/02/1991	3	5					4.00	1.20	6.00	4.20	5	
39	3375010331	Nguyễn Văn	Thuế	05/03/1990	5	9					7.00	2.10	8.00	5.60	8	
40	3375010333	Đặng Phúc	Thịnh	29/09/1991	4	6					5.00	1.50	6.00	4.20	6	
41	3375010335	Nguyễn Tôn Phú	Thịnh	19/01/1991	5	4					4.50	1.35	8.00	5.60	7	
42	3375010339	Phạm Nguyễn Đăng	Thy	23/08/1991	5	6					5.50	1.65	6.00	4.20	6	
43	3375010350	Phan Thành	Tín	23/02/1988	5	8					6.50	1.95	8.00	5.60	8	
44	3375010351	Nguyễn	Trãi	06/05/1990	6	0					3.00	0.90	6.00	4.20	5	
45	3375010358	Mai Bảo	Trung	05/05/1991	8						8.00	2.40	5.00	3.50	6	Học lại
46	3375010384	Đỗ Hội	Tụ	01/04/1991	4	5					4.50	1.35	1.00	0.70	2	
47	3375010422	Huỳnh	Xuân	27/02/1987	3	6					4.50	1.35	6.00	4.20	6	
48	3375010423	Lê Thanh	Xuân	13/07/1979	2	3					2.50	0.75	6.00	4.20	5	

Tổng: 48.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	4	8.3
Giỏi	8	16.7
Khá	5	10.4

Trưởng Khoa

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	15	31.3
Trung bình	11	22.9
Không đạt	5	10.4
Miễn thi	0	0.0

Tp.HCM, ngày/....../.....
Giáo Vụ Khoa